TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 551A/2024/DS-PT
Ngày: 23 - 10 - 2024
V/v tranh chấp quyền
về thoát nước qua bất động sản liền kề.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:*Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2024/TLPT- DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp quyền về thoát nước qua bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3958/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lữ Sơn T, sinh năm 1985;

1.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lữ Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Trọng T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lữ Sơn T, bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và anh Lữ Sơn T trình bày:

Hộ ông Lữ sơn T, bà Nguyễn Thị C đứng tên quyền sử dụng đất số 47, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, diện tích 118m^2 loại đất nông thôn, phía Bắc giáp lộ T; phía Tây giáp nhà và đất của bà Lữ Thị H, thửa số 49, tờ bản đồ số 13, diện tích 352,9m^2, đất nông thôn trên phần đất của ông T, bà C có nhà ở thuộc nhà cấp 4 đã xây dựng hơn 10 năm.

Phía Nam hộ ông Lữ Sơn T và bà Nguyễn Thị C nơi giáp với hộ bà Lữ Thị H có hố gas và đường ống thoát nước sinh hoạt chung của các hộ ngang 0,5 m, dài dọc theo các hộ và đi qua các hộ khác, để ra sông T và phần hố gas là đường thoát nước sinh hoạt mà hộ ông T, bà C và các hộ khác sử dụng lâu nay nằm trên phần đất của bà Lữ Thị H đang đứng tên chủ quyền dài khoảng 15 m.

Năm 1975, phần đất thửa 49 do bà Đặng Thị T2 đứng tên trong sổ mục kê, phần diện tích đất là 325m^2, thửa số 49, tờ bản đồ số 13, nhưng phần đường thoát nước không có nằm trong sổ mục kê. Sau này năm 1995, chính quyền vận động làm lại đường nước sinh hoạt bằng cách làm hố gas và đặt ống thoát nước cho các hộ nêu trên và hộ bà Đặng Thị T2 đồng ý.

Năm 2007, bà H được chia thừa kế phần đất trên của bà T2, phần diện tích đất là 325m^2, thửa số 49, tờ bản đồ số 13, là không có phần hố gas. Năm 2010, đoàn 301 đo đạc thì bà H chỉ đo diện tích đất trùm lên phần đất làm hố gas và đường thoát nước của các hộ dân, do đó bà H đang sử dụng là 352,9m^2, bà H đang sử dụng dư so với thực tế mà bà H được thừa kế, trong đó có một phần đường thoát nước của các hộ xung quanh.

Hiện nay, bà H đã quản lý sử dụng phần đường thoát nước và cho tiến hành xây dựng tường chắn nước mưa và lấp hố gas khiến các hộ không có đường thoát nước nào khác khi trời mưa lớn, nước sinh hoạt không thoát được chảy tràn ngược vào nhà. Nay chúng tôi làm đơn yêu cầu bà Lữ Thị H mở đường thoát nước chung cho chúng tôi là hộ ông Lữ Sơn T, bà Nguyễn Thị C1 có chiều ngang 0,5 m dài khoảng 15 m = 8 m^2, nằm trong quyền sử dụng đất của bà H.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Trọng T1 trình bày:

Bà H là chủ sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, diện tích 352,9 m^2, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/3/2010. Phần nhà đất này có nguồn gốc do mẹ ruột bà H - bà Đặng Thị T2, sinh 1931 – mất 2012 tặng cho. Ranh giới giữa phần đất giữa bà H và bà C là một bức tường rào kiên cố được xây dựng trước khi bà C về ở đó.

Phần hố gas là do gia đình bà H xây dựng trên thửa đất số 49 nhằm phục vụ cho việc kinh doanh "lò mổ heo" của gia đình. Đến khoảng năm 1996 -1997, gia đình ngừng kinh doanh lò mổ, hố gas không còn sử dụng. Những hộ lân cận không có đường thoát nên bà H mới đồng ý cho thoát nhờ qua đường thoát nước của bà H. Trong quá trình sử dụng, hộ bà C nhiều lần kê cao ống thoát nước để xả thải trực tiếp qua phần đất của bà H.

Khoảng năm 2020, do chứa nước thải liên tục trong thời gian dài, nên gây hôi thối ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng sức khỏe của gia đình bà H. Do tình trạng ô nhiễm kéo dài, bà H làm đơn yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C giải quyết, sau đó Phòng Tài nguyên chuyển đơn về Ủy ban nhân dân xã T giải quyết.

Đến ngày 04/3/2021, UBND xã T đồng ý nếu sau 15 ngày (đến hết 19/3/2021) mà bà C không cung cấp được thông báo thụ lý đơn tranh chấp đất thì cho bà H được quyền san lắp hố gas này để bảo vệ sức khỏe của gia đình. Hết thời hạn nêu trên, bà C không cung cấp được thông báo thụ lý, bà H đã san lắp hố gas lại để ngăn chặn tình trạng ô nhiễm nặng.

Ngày 18/10/2021, Bà C khởi kiện tại Tòa án huyện Châu Thành để tranh chấp quyền sử dụng đất buộc bà H phải trả cho bà phần đất chứa hố gas có diện tích 8 m^2 . Do yêu cầu không có căn cứ, ngày 19/11/2021, bà C đã rút đơn. Từ đó đến nay, các hộ khác đã tự làm đường thoát riêng, tự xử lý nước thải nên không còn xả thải nhờ qua hố gas của gia đình bà H nữa, chỉ còn mỗi hộ của bà C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà H không đồng ý mở đường thoát nước chung cho ông T, bà C qua thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13. Bởi lẽ, bản chất đây không phải đường thoát nước công cộng, mà là hố gas gia đình bà H xây dựng để sử dụng riêng. Nước thải dẫn từ hộ bà C đều chứa tại hố gas nhà Bà H mà không có đường thoát ra đến cống công cộng; không đủ thể tích để chứa nước thải cho các hộ khác, sẽ dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của gia đình bà H.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 251, 252 Bộ luật dân sự 2015, Điều 171 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, anh Lữ Sơn T đối với bị đơn bà Lữ Thị H về việc yêu cầu mở đường thoát nước (đường thoát nước sinh hoạt) qua thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/7/2024 bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu mở đường thoát nước trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn, đường thoát nước bắt đầu từ chỗ cuối cùng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kéo dài đến giáp thửa đất số 52 do ông S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chiều dài khoảng 15 m, chiều ngang 0,5 m, chiều sâu ước lượng 1,5 m. Trường hợp Tòa án cho rằng không có vị trí cụ thể trên bản vẽ không thể giải quyết được, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hồi phục lại hiện trạng ban đầu của đường thoát nước trước đây.

Xét thấy, trước đây nguyên đơn có sử dụng và xả nước thải sinh hoạt trực tiếp vào hố gas và đường nước sinh hoạt trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13 do bà Lữ Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và một số hình ảnh chụp ngày 09/5/2024 thể hiện phần đất phía sau căn nhà của bị đơn thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13 đang bị ngập ứ nước, phần cống thoát nước trước nhà ấp chạy ngầm qua Bến Phà C2 do lộ nâng cao không thoát nước được. Ngoài ra, gia đình bị đơn cũng phải tự xây hai hầm tự thấm để thoát nước nên nguyên đơn yêu cầu mở lại hố gas và đường thoát nước để nguyên đơn thoát nước thải sinh hoạt trực tiếp qua phần đất của bị đơn là không hợp lý, vì đường thoát nước chỉ chảy qua từ hộ của nguyên đơn và thoát nước tại phần đất của bị đơn.

Mặc khác, tại buổi thẩm định ngày 09/5/2024, phiên hòa giải và công khai chứng cứ ngày 06/6/2024, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không xác định được chính xác vị trí, diện tích mở đường thoát nước trên thửa đất của bà H. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không thể xác định được chính xác vị trí, diện tích, chiều ngang, chiều dài, chiều sâu và hình thể của đối tượng khởi kiện để định vị trên họa đồ hiện trạng phần đất tranh chấp, những thông số mà nguyên đơn trình bày chỉ mang tính ước lượng, không có tiêu chí cụ thể làm căn cứ cho việc khôi phục đường nước trước đây (nếu có) nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không chấp nhận.

[2] Bản án sơ thẩm có thiếu sót là không buộc ông Lữ Sơn T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là thiếu sót nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại nội dung này cho phù hợp.

Từ những nhận định trên, Toà án nhân dân huyện Châu Thành không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lữ Sơn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 251, 252 Bộ luật dân sự 2015, Điều 171 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, anh Lữ Sơn T đối với bị đơn bà Lữ Thị H về việc yêu cầu mở đường thoát nước (đường thoát nước sinh hoạt) qua thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lữ Sơn T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001244 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lữ Sơn T phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000687 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng